

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 8 – 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Vương Văn Mum.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **T. T. T. C**, sinh năm 1987; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 489, khu phố B.N, phường G.B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ nơi cư trú: Số 04, Tổ 11, ấp 1, xã T.P, huyện G.D, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **V. T. Q**, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 489, khu phố B. N, phường G. B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T. T. T. C trình bày:

Chị và anh V. T. Q chung sống với nhau từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tháng 3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng (nay là phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới, chị và anh Q sống chung với cha mẹ chồng tại phường Gia

Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, đánh bài, đá gà, cá độ, không chia sẻ kinh tế gia đình với chị, tiền lương được bao nhiêu anh Q đều sử dụng để đánh bài hết. Chị góp ý, khuyên nhủ thì vợ chồng xảy ra cãi vã. Ngoài ra, mối quan hệ giữa chị và gia đình bên chồng cũng không hoà thuận do không hợp tính ý và có nhiều hiểu lầm, khúc mắc xảy ra mà các bên không tự giảng hoà được. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên tháng 3/2022 chị về nhà cha mẹ ruột ở. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị và anh Q đều không có thiện chí đoàn tụ. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và cha mẹ chồng, em chồng ngày càng gay gắt nên vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: chị và anh Q có 02 con chung tên V. T. T. V, sinh ngày 27/4/2011 và cháu V. T. Y. N, sinh ngày 11/11/2012. Hiện cháu V đang sống chung với anh Q, cháu N đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Cháu V có nguyện vọng được sống với anh Q nên chị đồng ý giao cháu V cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022, bị đơn – anh V. T. Q trình bày:

Anh Q Thống nhất lời trình bày của chị T. T. T. C về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và con chung là đúng. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị C có xảy ra một vài mâu thuẫn nhỏ về vấn đề tiền bạc nhưng nguyên nhân chủ yếu chị C yêu cầu ly hôn với anh là do chị C bất mãn việc từ sau khi anh bị tai nạn giao thông thì việc đi lại khó khăn, một số sinh hoạt cá nhân phải phụ thuộc vào người khác. Ngoài ra, chị C còn thường xuyên nhắn tin, gọi điện thoại với người khác nên anh biết chị C không còn tình cảm với anh và đã có mối quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã đuổi chị C đi nhiều lần và đến lần cuối cùng là tháng 3/2022 thì chị C mới đi. Nay anh cũng nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị C không thể hàn gắn nên anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Cháu V đang sống ổn định với anh còn cháu N đang sống với chị C nên khi ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng nên anh đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về Q điểm giải quyết vụ án: căn cứ các điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị T. T. T. C đối với anh V. T. Q. Về con chung, giao cháu V. T. Y. N, sinh ngày 11/11/2012 cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con; giao cháu V. T. T. V, sinh ngày 27/4/2011 cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ghi nhận chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Vy mỗi tháng 1.500.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị T. T. T. C và anh V. T. Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C, anh Q là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị C, anh Q chung sống từ năm 2010, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị C trình bày nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh Q là do anh Q thường xuyên uống rượu, bia, đánh bài, đá gà, cá độ, không chia sẻ kinh tế gia đình với chị. Ngoài ra, mối quan hệ giữa chị và gia đình bên chồng cũng không hoà thuận dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay. Anh Q cũng trình bày giữa anh và chị C có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Ngoài ra, chị C còn có mối quan hệ tình cảm với người khác. Mặc dù chị C và anh Q không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn. Tuy nhiên, giữa anh, chị đã không có niềm tin đối với nhau và mâu thuẫn giữa chị C và anh Q là có thật, đồng thời, anh, chị không còn sống chung một nhà từ tháng 3/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả chị C và anh Q đều thừa nhận không bên nào có thiện chí đoàn tụ. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh Q cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị C và anh Q không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 02 con chung tên V. T. T. V, sinh ngày 27/4/2011 và cháu V. T. Y. N, sinh ngày 11/11/2012, hiện cháu V đang sống chung với anh Q còn cháu N đang sống chung với chị C. Khi ly hôn, chị C và anh Q đều yêu cầu giao cháu Vy cho anh Q nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị C nuôi dưỡng. Qua tham khảo ý kiến của cháu V và cháu N thể hiện, cháu V cũng có nguyện vọng được sống với anh Q, cháu N có nguyện vọng được sống với chị C nên cần giao cháu V cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu N cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014. Chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Nhi và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Chị C, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị T. T. T. C đối với anh V. T. Q. Chị T. T. T. C được ly hôn với anh V. T. Q.

2. Về con chung: giao cháu V. T. Y. N, sinh ngày 11/11/2012 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao V. T. T. V, sinh ngày 27/4/2011 cho anh Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi cháu Nhi.

Chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V. T. T. V số tiền 1.500.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày 10/8/2022 cho đến khi cháu Vy đủ mười tám tuổi.

Anh Q, chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị C, anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: chị C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0026629

ngày 01 tháng 06 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị C còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: chị C, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường Gia Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến